

Số: 1740/TB-TTBVTV

Đồng Tháp, ngày 15 tháng 11 năm 2019

**THÔNG BÁO**  
**TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI 1 THÁNG**  
(Từ ngày 16/10/2019 đến ngày 15/11/2019)

**I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG**

**1. Thời tiết**

Tháng qua, thời tiết các nơi trong tỉnh ngày nắng nóng, chiều và tối có mưa rải rác nhiều nơi, gió theo hướng Đông - Đông Bắc, tốc độ gió 3 - 4 m/s.

+ Nhiệt độ: - Trung bình: 27,9<sup>0</sup>C - Cao: 32,1<sup>0</sup>C - Thấp: 25,4<sup>0</sup>C

+ Ẩm độ: - Trung bình: 80,6% - Cao: 84,8% - Thấp: 67,6%

+ Tổng lượng mưa: 281,2 mm.

+ Số giờ nắng: 256,6 giờ.

**2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng**

**2.1. Cây lúa**

❖ **Vụ Thu Đông 2019:** Xuống giống 118.649 ha, lúa đang ở các giai đoạn:

- Đẻ nhánh: 260 ha; - Làm đòng: 5.513 ha; - Trổ chín: 24.809 ha;

- Thu hoạch: 88.066 ha, năng suất bình quân 5,59 tấn/ha.

❖ **Vụ Đông Xuân 2019 - 2020:** Xuống giống 99.844 ha, lúa đang ở các giai đoạn:

- Mạ: 44.645 ha; - Đẻ nhánh: 51.210 ha; - Làm đòng: 3.989 ha.

**2.2. Hoa màu**

❖ **Hoa màu Thu Đông 2019:** Thu hoạch 3.159,1 ha/7.194,5 ha diện tích xuống giống (*Phụ lục 1*).

❖ **Hoa màu Đông Xuân 2019 - 2020:** Xuống giống 595 ha (*Phụ lục 2*).

**2.3. Cây ăn trái**

Diện tích trồng cây lâu năm 29.873,8 ha, trong đó ăn trái là 29.220 ha, tập trung chủ yếu ở các huyện Châu Thành, Lai Vung, Cao Lãnh, Lấp Vò, Tháp Mười, Tp. Cao Lãnh và Tp. Sa (*Số liệu đính kèm phụ lục 3*).

**II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI 1 THÁNG QUA**

**1. Cây lúa**

## ❖ Tình hình rầy di trú

Rầy di trú trong tháng 10/2019 cao hơn so với tháng trước, cao điểm di trú từ đêm 21/10 - 28/10/2019, mật số dưới 1.000 con/đêm/bẫy, cục bộ bẫy đèn xã Phú Cường - huyện Tam Nông, dao động từ 1.000 - 8.000 con/đêm/bẫy.

- Rầy nâu: Diện tích nhiễm 125 ha trên lúa giai đoạn làm đòng - trổ chín, trong đó nhiễm nặng 15 ha (*huyện Tân Hồng*) với mật số rầy 3.100 - 5.000 con/m<sup>2</sup>, nhiễm trung bình 30 ha, còn lại nhiễm nhẹ, tăng 25 ha so với tháng trước.

- Bệnh đạo ôn lá: Diện tích nhiễm nhẹ 400 ha trên lúa giai đoạn đẻ nhánh, tỷ lệ bệnh 5 - 10%, tăng 400 ha so với tháng trước do điều kiện thời tiết có mưa bão và giai đoạn lúa thích hợp cho bệnh phát sinh gây hại.

- Bệnh cháy bìa lá: Diện tích nhiễm 980 ha trên lúa giai đoạn làm đòng - trổ chín, trong đó nhiễm nặng 30 ha (*huyện Tân Hồng*) với tỷ lệ bệnh 41 - 50%, nhiễm trung bình 170 ha, còn lại nhiễm nhẹ, tăng 647 ha so với tháng trước.

Ngoài ra các đối tượng khác như: Chuột, sâu cuốn lá, bệnh đạo ôn cổ bông, lem lép hạt,... xuất hiện và gây hại chủ yếu ở mức nhẹ.

## 2. Hoa màu

Các đối tượng sâu bệnh xuất hiện và gây hại rải rác hoặc ở mức nhẹ. Riêng đối tượng sâu keo mùa thu gây hại trên bắp, trong tháng chưa ghi nhận diện tích nhiễm mới (*Bảng số liệu kèm theo*).

## 3. Cây ăn trái (*Bảng số liệu kèm theo*)

- Cây có múi: Nhện, bệnh loét, ghẻ nám gây hại ở mức nhẹ.

- Cây xoài: Bọ trĩ, rầy bông xoài và bệnh thán thư gây hại ở mức nhẹ.

- Bệnh chổi rồng trên nhãn: Diện tích nhiễm 575 ha, trong đó nhiễm trung bình 112 ha với tỷ lệ bệnh 20 - 25%, còn lại nhiễm nhẹ, không tăng so với tháng trước.

**4. Hoa kiểng:** Bệnh héo xanh trên hoa cúc, bọ trĩ, nhện đỏ, bệnh đốm lá vi khuẩn trên hoa hồng gây hại ở mức nhẹ.

## III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN

### 1. Kinh phí khuyến nông

Tập huấn 10/12 lớp nhân nuôi ong ký sinh phòng trừ bọ cánh cứng hại dừa cho 237 nông dân trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, nhân nuôi và phóng thích tổng cộng 3.200 con bọ đuôi kim, 2.107 mummy *Asecodes* và 4.034 mummy *Tetratichus* ong ký sinh bọ cánh cứng hại.

### 2. Kinh phí Đề án Tái cơ cấu

- Tập huấn 24/24 lớp giải pháp khắc phục hiện tượng vàng lá thối rễ, chết xanh trên cây có múi cho 802 nông dân ở các xã trên địa bàn huyện Lai Vung.

- Tiếp tục thực hiện 05 mô hình trình diễn khắc phục hiện tượng vàng lá thối rễ, chết xanh cây có múi ở huyện Lai Vung. Áp dụng giải pháp nâng pH (bón phân Calmag, vôi) kết hợp rải phân hữu cơ, phân vô cơ, chăm sóc trái.

- Thực hiện 01 mô hình thí điểm quản lý bao gói thuốc BVTV đã qua sử dụng trên cây hoa kiểng tại thành phố Sa Đéc với quy mô 50 ha, 50 nông dân tham gia: Đã tập huấn đầu vụ, giữa vụ và lắp đặt các thùng chứa rác BVTV trên các tuyến đường của làng hoa Sa Đéc, ra quân thu gom được 100 kg rác BVTV để đúng nơi quy định.

### **3. Dự án tổ chức GIZ**

Tập huấn 19/26 lớp về các tiêu chuẩn sản xuất lúa gạo bền vững theo tiêu chuẩn SRP cho 424 nông dân ở các hợp tác xã thuộc dự án GIZ, giai đoạn 2. Kết quả cho thấy nông dân hiểu rõ hơn về sản xuất an toàn và bền vững gắn với liên kết tiêu thụ, đặc biệt là tác hại của thuốc bảo vệ thực vật đến sức khỏe và môi trường sống.

### **4. Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số**

Tập huấn 45/53 lớp về sử dụng thuốc an toàn, hiệu quả, an toàn thực phẩm, mã vùng trồng và thủ tục tự công bố sản phẩm cho 1.350 nông dân ở các hội quán, tổ hợp tác và hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.

## **IV. DỰ BÁO TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG THÁNG TỚI**

### **1. Trên cây lúa**

- Rầy nâu: Rầy tiếp tục di trú từ ngày 15 - 20/11/2019 với mật số ở mức trung bình do lúa Thu Đông muộn thu hoạch sắp dứt điểm. Đợt rầy cám nở rộ từ 28/11/2019 – 03/12/2019 trên lúa giai đoạn đẻ nhánh - làm đòng, phổ biến ở mức nhẹ - trung bình, cục bộ có diện tích nhiễm nặng trên lúa giai đoạn trổ do rầy tích lũy mật số từ đầu vụ.

- Sâu cuốn lá: Tiếp tục gây hại phổ biến ở mức nhẹ - trung bình trên lúa giai đoạn đẻ nhánh - đòng trổ, những ruộng sạ dày, bón thừa phân đạm và phun thuốc trừ sâu sớm lúc đầu vụ có khả năng bị hại nặng.

- Bệnh đạo ôn, cháy bìa lá: Diện tích và mức nhiễm có thể gia tăng do điều kiện thời tiết và giai đoạn lúa thích hợp cho bệnh phát sinh phát triển. Đặc biệt những diện tích gieo trồng giống nhiễm như IR 50404, OM 4218, Jasmine 85, VD 20, nếp,... sạ dày, bón thừa phân đạm sẽ bị hại nặng hơn.

- Bệnh vàng lùn - lùn xoắn lá: Có thể xuất hiện và gây hại rải rác trên lúa giai đoạn cuối đẻ nhánh – đòng trổ.

- Chuột: Gây hại phổ biến ở mức nhẹ - trung bình trên lúa giai đoạn đẻ nhánh - đòng trổ, một số diện tích gần khu vực gò cao, vườn cây rậm rạp, trồng cỏ nuôi bò... có thể bị gây hại nặng.

Ngoài ra các đối tượng như: Bọ trĩ, muỗi hành, bệnh đạo ôn cỏ bông,... xuất hiện gây hại chủ yếu ở mức nhẹ.

## **2. Trên hoa màu, cây ăn trái, hoa kiểng**

- Hoa màu: Sâu ăn tạp, sâu đục trái, sâu đục thân, bọ trĩ, bệnh thán thư, bệnh đốm lá, ... xuất hiện và gây hại rải rác hoặc ở mức nhẹ. Riêng đối tượng sâu keo mùa thu gây hại trên bắp có thể gia tăng diện tích nhiễm do địa phương đang tiếp tục điều tra, theo dõi sự xuất hiện và gây hại của đối tượng này.

- Cây ăn trái: Sâu đục cành, bệnh thán thư, cháy lá, bệnh loét, ... xuất hiện và gây hại rải rác hoặc ở mức nhẹ - trung bình.

- Hoa kiểng: Nhện, bệnh đốm đen, đốm lá trên hoa hồng, hoa cúc xuất hiện và gây hại ở mức nhẹ.

## **V. ĐỀ NGHỊ**

### **1. Trên lúa**

- Khu vực chuẩn bị xuống giống lúa Đông Xuân 2019 – 2020 trong đợt 2 từ ngày 19/11 - 29/11/2019 (23/10 – 04/11/2019 âm) cần vệ sinh kỹ đồng ruộng, tu sửa đê bao, cống đập, đặc biệt là theo dõi chặt chẽ tình hình rầy vào đền, thời tiết, chủ động phương tiện, điều kiện thoát nước tốt, ... để bảo đảm xuống giống tập trung, đồng loạt, né rầy hiệu quả trên từng ô bao, cánh đồng nhằm hạn chế thấp nhất sự phát sinh gây hại của rầy nâu và bệnh vàng lùn - lùn xoắn lá.

- Áp dụng tốt các giải pháp kỹ thuật 3 giảm 3 tăng, 1 phải 5 giảm, bón vùi phân bón theo tỉ lệ 100% DAP, 50% Kali trước khi trực trạc đất lần cuối, quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), ... giúp lúa sinh trưởng và phát triển tốt, hạn chế thấp nhất sự phát sinh gây hại của các đối tượng dịch hại, góp phần giảm chi phí sản xuất và tăng lợi nhuận.

- Kiểm tra kỹ ruộng lúa, khi rầy nở rộ tuổi 1 - 3 với mật số trên 2.000 con/m<sup>2</sup> cần xử lý kịp thời bằng thuốc có tác động chống lột xác hoặc lưu dẫn nhằm hạn chế tốt mật số rầy vào giai đoạn sau.

- Phát hiện kịp thời muỗi hành, bệnh đạo ôn lá, bệnh cháy bìa lá, ... để có biện pháp quản lý và chăm sóc kịp thời hạn chế ảnh hưởng đến sinh trưởng cây lúa. Có thể phun ngừa bệnh đạo ôn cổ bông, lem lép hạt ở giai đoạn trổ let xẹt và trổ đều.

- Không phun thuốc trừ sâu bệnh, thuốc kích thích sinh trưởng cho lúa ít nhất 20 ngày trước thu hoạch nhằm bảo đảm thời gian cách ly, an toàn thực phẩm; Tuân thủ tốt nguyên tắc 4 đúng khi phun thuốc và thu gom bao bì, chai lọ thuốc BVTV sau khi sử dụng để hạn chế ô nhiễm môi trường.

### **2. Trên hoa màu, cây ăn trái**

Các vườn cây ăn trái gia cố đê bao, quản lý tốt mực nước trong mương vườn hạn chế ngập úng do mưa bão, ngập lụt.

Đề nghị Trung tâm dịch vụ nông nghiệp các huyện, thị xã, thành phố phân công cán bộ kỹ thuật phối hợp với địa phương theo dõi chặt chẽ tình hình sản xuất, sâu bệnh như: thán thư trên xoài; rầy mềm, rầy chổng cánh, bệnh vàng lá

gân xanh, bệnh Tristeza, hiện tượng vàng lá thối rữa, chết xanh trên cây có múi; bệnh chổi rồng trên nhãn; tiếp tục điều tra, theo dõi sự xuất hiện và gây hại của sâu keo mùa thu để xử lý kịp thời và báo cáo về chi cục Trồng trọt và BVTV (theo địa chỉ mail: phongkythuat.ccttbvtvdongthap@gmail.com) đúng theo quy định./.

***Nơi nhận:***

- Cục BVTV (HN & VP tại TP. HCM);
- TT. BVTV Phía Nam (b/c);
- Sở NN & PTNT (b/c);
- Phòng NN & PTNT, Phòng kinh tế;
- Trung tâm DVNN các huyện, thị, Tp;
- Phòng PA 81;
- Lưu: VT, P. KT.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

**Lê Văn Chấn**

## PHỤ LỤC

### 1. Hoa màu vụ Thu Đông 2019

TT	Huyện	Diện tích xuống giống (ha)	Diện tích thu hoạch (ha)
<b>I/ Cây lương thực</b>		<b>973,0</b>	<b>719,6</b>
1	Bắp ăn tươi	853,0	629,6
2	Bắp dùng làm TAGS	120,0	90,0
<b>II/ Cây chất bột có củ</b>		<b>900,9</b>	<b>62,0</b>
1	Ấu	143,2	0,0
2	Khoai lang	665,0	50,0
3	Khoai môn	87,7	11,0
4	Củ sắn	5,0	1,0
<b>III/ Rau các loại</b>		<b>4.056,0</b>	<b>1.652,5</b>
1	Dưa leo	126,6	54,5
2	Rau muống	124,0	50,0
3	Dưa hấu	294,2	129,7
4	Bầu, bí, mướp	224,0	147,8
5	Khổ qua	31,8	27,1
6	Cà chua	1,2	1,2
7	Hành	224,0	14,0
8	Ớt	711,7	296,1
9	Nấm rơm	146,3	32,6
10	Bắp non	160,2	0,0
11	Củ cải trắng	98,5	22,0
12	Bắp cải	2,0	2,0
13	Kiệu	44,0	24,0
14	Hoa màu khác	1.867,6	851,5
<b>IV/ Đậu các loại</b>		<b>68,2</b>	<b>26,2</b>
1	Đậu xanh	30,7	21,2
2	Đậu khác	37,5	5,0
<b>V/ Cây công nghiệp</b>		<b>18,3</b>	<b>2,0</b>
1	Đậu nành	4,0	0,0
2	Đậu phộng	2,0	2,0
3	Mè	8,2	0,0
4	Bố	4,1	0,0
<b>VI/ Cây hàng năm</b>		<b>1.178,1</b>	<b>696,8</b>
1	Hoa kiềng	539,4	367,8
2	Sen	405,2	298,5
3	Mồng toi lấy hạt	50,5	18,5
4	Cây làm TAGS	183,0	12,0

<b>Tổng cộng</b>	<b>7.194,5</b>	<b>3.159,1</b>
------------------	----------------	----------------

## 2. Hoa màu vụ Đông Xuân 2019 - 2020

TT	Huyện	Diện tích xuống giống (ha)	Ngày sau trồng
<b>I/ Cây lương thực</b>		<b>13,5</b>	
1	Bắp ăn tươi	13,5	10 - 14
<b>II/ Rau các loại</b>		<b>323,0</b>	
1	Dưa leo	1,0	10 - 14
2	Dưa hấu	106,9	10 - 14
3	Bầu, bí, mướp	29,0	10 - 14
4	Ớt	149,0	10 - 14
5	Hoa màu khác	37,1	10 - 14
<b>III/ Đậu các loại</b>		<b>8,0</b>	
1	Đậu xanh	8,0	10 - 14
<b>IV/ Cây hàng năm</b>		<b>250,5</b>	
1	Sen	250,5	10 - 14
<b>Tổng cộng</b>		<b>595,0</b>	-

## 3. Cây ăn trái

TT	Chủng loại	Diện tích (ha)
<b>1</b>	<b>Xoài</b>	<b>9.664,5</b>
	<i>Xoài Cát hòa lộc</i>	2.055,6
	<i>Xoài Cát chu</i>	4.297,7
	<i>Xoài Tượng da xanh</i>	1.706,2
	<i>Xoài khác</i>	1.604,9
<b>2</b>	<b>Nhãn</b>	<b>4.761,7</b>
	<i>Nhãn Long</i>	103,4
	<i>Nhãn Tiêu da bò</i>	1.877,2
	<i>Nhãn Châu Thành</i>	2.611,6
	<i>Nhãn xuống</i>	27,2
	<i>Nhãn khác</i>	142,3
<b>3</b>	<b>Quýt</b>	<b>3.298,3</b>
	<i>Quýt Hồng</i>	873,1
	<i>Quýt Đường</i>	2.423,1
	<i>Quýt khác</i>	2,0
<b>4</b>	<b>Cam</b>	<b>2.737,3</b>
	<i>Cam soàn</i>	1.183,6

	<i>Cam sành</i>	623,4
	<i>Cam mật, Cam dây</i>	874,6
	<i>Cam khác</i>	55,7
<b>5</b>	<b>Chanh</b>	1.707,3
<b>6</b>	<b>Bưởi</b>	334,6
<b>7</b>	<b>Ổi</b>	1.198,8
<b>8</b>	<b>Dừa</b>	654,0
<b>9</b>	<b>Mít</b>	583,0
<b>10</b>	<b>Thanh long</b>	119,6
<b>11</b>	<b>Cây ăn trái khác</b>	2.676,2
<b>12</b>	<b>Vườn tạp</b>	2.138,7
<b>Tổng cộng</b>		<b>29.873,8</b>



Ngày in : 12/11/2019 4:36:47 PM

ĐƠN VỊ: ĐỒNG THÁP

DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH

Trong tháng 11 năm 2019

Cây trồng	Tên SVGH	GDST	Mật độ/Tỷ lệ		Diện tích nhiễm (ha)				Mất trắng	Số kỳ trước (+/-)	Số CKNT (+/-)	DT P. trừ	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng					
<b>Nhóm cây: Cây ăn quả</b>													
Cây có múi	Bệnh sẹo (ghè nhám)	tăng trưởng	5 - 10		14	0	0	<b>14</b>	0	5.0	14.0	0	Châu Thành
	Nhện nhỏ	tăng trưởng	5 - 10		13	0	0	<b>13</b>	0	5.0	13.0	13	Lai Vung
	Bệnh loét	tăng trưởng	5 - 10		10,5	0	0	<b>10,5</b>	0	0.0	10.5	10,5	Lai Vung, TX Sa Đéc
Dừa	Bọ cánh cứng	tăng trưởng	10 - 40		17	3	0	<b>20</b>	0	0.0	20.0	0	Châu Thành
Nhãn	Chối rồng nhãn	tăng trưởng	5 - 50		463	112	0	<b>575</b>	0	0.0	282.5	2	Châu Thành, Cao Lãnh
	Bệnh sương mai (thối trái)	thu hoạch	3 - 5	3 - 5	25	0	0	<b>25</b>	0	13.0	25.0	0	Châu Thành
Xoài	Bọ trĩ	tăng trưởng	5 - 10		3	0	0	<b>3</b>	0	3.0	3.0	3	TX Sa Đéc
	Rầy bông xoài	tăng trưởng	5 - 7		2,5	0	0	<b>2,5</b>	0	2.5	2.5	0	TX Sa Đéc
	Bệnh thán thư	tăng trưởng	5 - 10		1,8	0	0	<b>1,8</b>	0	-0.2	-55.2	1,8	TX Sa Đéc
<b>Nhóm cây: Hoa và cây cảnh</b>													
Hoa cúc	Bệnh héo xanh vi khuẩn	tăng trưởng	5 - 10		1,2	0	0	<b>1,2</b>	0	0.0	1.2	1,2	TX Sa Đéc
Hoa hồng	Bọ trĩ	tăng trưởng	5 - 10		2,4	0	0	<b>2,4</b>	0	1.9	1.9	2,4	TX Sa Đéc
	Bệnh đốm lá VK	tăng trưởng	5 - 10		1,5	0	0	<b>1,5</b>	0	0.0	0.6	1,5	TX Sa Đéc

	Nhện đỏ	tăng trưởng	5 - 10		0,5	0	0	<b>0,5</b>	0	0.5	-0.2	0,5	TX Sa Đéc
<b>Nhóm cây: Lúa</b>													
Lúa	Bệnh bạc lá (cháy bìa)	LĐ-TC	10 - 20	20 - 70	780	170	30	<b>980</b>	0	647.0	810.0	3020	Tân Hồng, Thanh Bình
	Bệnh đạo ôn lá	ĐN	5 - 10		400	0	0	<b>400</b>	0	400.0	170.0	0	Cao Lãnh
	Chuột	TC	2.5 - 5	5	156	0	0	<b>156</b>	0	-5.0	89.0	0	Thanh Bình
	Rầy nâu	LĐ-TC	750	5000	80	30	15	<b>125</b>	0	25.0	125.0	500	Tân Hồng
	Bệnh đen lép hạt (lem lép)	TC	5	10	110	0	0	<b>110</b>	0	0.0	-40.0	3000	Tân Hồng
	Sâu cuốn lá nhỏ	ĐN-ĐT	10 - 30	20 - 50	80	0	0	<b>80</b>	0	0.0	-168.0	1000	Tân Hồng
<b>Nhóm cây: Rau màu</b>													
Bầu bí	Bọ trĩ	tăng trưởng	5 - 10		0,3	0	0	<b>0,3</b>	0	0.3	0.3	0,3	TX Sa Đéc
Khoai lang	Bọ hà	thu hoạch	5 - 10		69	0	0	<b>69</b>	0	-9.0	-331.0	0	Châu Thành